TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỐC OAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94 /2022/HSST
Ngày 27 - 12 -2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*:** Ông Kiều Văn Thành.

***- Các hội thẩm nhân dân*:** Ông Dương Như Suất và ông Tạ Văn Thắng.

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Ông Đàm Văn Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1-Nguyễn Thị L - sinh năm 1982; tên gọi khác: Không;Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Bá T (đã chết); con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1956; Chồng: Nguyễn Quang T, sinh năm 1978; Con: Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2000; con nhỏ nhất sinh năm 2012; Danh chỉ bản số: 182 do Công an huyện Q lập ngày 01 tháng 8 năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2-Nguyễn Thị A - sinh năm 1980; tên gọi khác: không; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Bá T (đã chết); con bà: Nguyễn Thị M - sinh năm 1956; Chồng: Vương Duy Q - sinh năm 1974; Con: có 2 con, lớn nhất sinh năm 1998; con nhỏ nhất sinh năm 2002; Danh chỉ bản số: 183 do Công an huyện Q lập ngày 01 tháng 8 năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L là: Bà Đỗ Như Q- Luật sư Công Ty Luật TNHH C- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phòng - Số N Dịch V, C, Hà Nội – Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số Đ, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; Đại diên theo pháp luật: Ông Trần Sỹ T-

Chức vụ: Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S - Chức vụ: Ủy ban nhân dân huyện Q. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Minh T - Chức vụ Trưởng phòng y tế huyện Q và bà Trần Thị Thu M- Chức vụ phó trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Q- Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1-Chị Lò Thị P, sinh năm 1991;

2- Chị Lò Thị P, sinh năm 2001;

Đều có địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Nghệ An .

3- Chị Lò Thị X, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Nghệ An

4- Chị Lường Thị N, sinh năm 2004.

5- Chị Mong Thị T, sinh năm 2003;

Đều có địa chỉ: Bản X, N, T, tỉnh Nghệ An .

6- Chị Mong Thị L (L), sinh năm 1995;

Địa chỉ: Bản N, N, T, tỉnh Nghệ An .

7- Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

8- Anh Vương Xuân H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn , xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

9- Anh Vương Đắc T, sinh năm 1988;

10- Cháu Vương Đắc T, sinh năm 2013;

11- Chị Cao Thị Tr, sinh năm 1992.

12-Cháu Vương Thị M, sinh năm 2011.

Đều có địa chỉ: Thôn , xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

13- Chị Xuân Thị H, sinh năm 1985.

14-Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1982

15- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

16- Cháu Vương Thị Bảo A, sinh năm 2011.

Đều có địa chỉ: Thôn , xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

17-Anh Vương Đắc Th, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn , xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

18-Anh Vương Sỹ A, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn , xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

19- Ông Vương Đắc H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn , xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Anh Vương Đắc T có mặt còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra có danh sách F1 kèm theo bản án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung và trên địa bàn huyện Q nói riêng đang diễn biến phức tạp. Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 20/09/2021 của UBND TP Hà Nội: "Chỉ thị Điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố trong tình hình mới" và Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 29/10/2021 của UBND TP Hà Nội: Kế hoạch thực hiện quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19"; Kế hoạch số 361/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Q: Kế hoạch "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" trong đó có nội dung " Cơ sở kinh doanh dịch vụ có nguy cơ lây nhiễm cao như vũ trường, Karaoke... đều phải ngừng hoạt động, chỉ hoạt động khi có quy định mới. Tuy nhiên, Nguyễn Thị L là người trông nom quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P1 *(gọi tắt là cơ sở kinh doanh Cát P1)* giúp em dâu là Nguyễn Thị P, sinh năm 1983, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội vì Pphải đi cách ly y tế tập trung tại Trường THCS Sài Sơn, xã Sài Sơn, huyện Q và Nguyễn Thị A là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P2 *(gọi tắt là cơ sở kinh doanh Cát P2)* đều có địa chỉ thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội vẫn lén lút hoạt động kinh doanh, đón tiếp khách đến hát Karaoke và điều nhân viên đến quán của nhau để phục vụ khách hát, làm lây L dịch bệnh trên địa bàn huyện Q và gây thiệt hại về tài sản cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

Năm 2015 chị Nguyễn Thị P xây dựng phòng hát để kinh doanh dịch vụ Karaoke tại thôn Đ - xã Đ và lấy tên cơ sở kinh doanh dịch vụ là "Karaoke Cát P1". Cơ sở kinh doanh Cát P1 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01V8001653 đăng ký ngày 23/12/2015, nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy. Do P tiếp xúc với người bị dương tính Covid-19 nên phải đi cách ly tập trung từ ngày 25/10/2021 đến ngày 10/11/2021, sau đó tiếp tục cách ly y tế tại nhà mình 14 ngày nên P đã giao cơ sở kinh doanh Cát P1 cho Nguyễn Thị L là chị dâu của P quản lý, trông nom. Tại cơ sở kinh doanh Cát P1 có 03 nhân viên ăn ở sinh hoạt tại quán là Lương Thị N; Mong Thị T và Mong Thị L. Cơ sở kinh doanh Cát P1 bố trí 01 quầy lễ tân, 04 phòng hát và 01 phòng cho nhân viên ăn ở sinh hoạt. Do cơ sở kinh doanh Cát P1 gần với cơ sở kinh doanh Cát P2 (được xây dựng từ năm 2018) do Nguyễn Thị A, là chị gái của L làm chủ nhưng chưa đăng ký giấy phép kinh doanh, không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy

chữa cháy. Tại cơ sở kinh doanh Cát P2 bố trí 01 quầy lễ tân, 03 phòng hát và 01 phòng cho nhân viên là Lò Thị X; Lò Thị P và Lò Thị P ăn ở sinh hoạt.

Trong thời gian L trông nom quản lý cơ sở kinh doanh Cát P1, ngày 08/11/2021, có Nguyễn Đình T là người bị dương tính Covid-19 (do trước đó tiếp xúc với anh Nguyễn Định L là người bị dương tính Covid-19) đã cùng với bạn là Nguyễn Đình Q, sinh năm 1980; Nguyễn Phú C đến cơ sở kinh doanh Cát P1 đang do Nguyễn Thị L quản lý để hát Karaoke, khi nhóm của T đến hát thì L gọi điện thoại cho Nguyễn Thị P để xin ý kiến về việc cho nhóm của T vào hát Karaoke thì chị P không đồng ý cho khách vào hát, nhưng do nể nang T là bạn học cùng cấp II nên L đã đồng ý mở cửa tiếp đón nhóm của T vào hát Karaoke, khi nhóm của T yêu cầu nhân viên thì L đã bố trí Lương Thị N là nhân viên cơ sở kinh doanh Cát P1 và gọi điện thoại cho Nguyễn Thị A là chị gái ruột và là chủ cơ sở kinh doanh Cát P2 bảo An cho 02 nhân viên nữ là Lò Thị P và Lò Thị X là nhân viên cơ sở kinh doanh Cát P2 đến để phục vụ, A đồng ý và cho 02 nhân viên này đến cơ sở kinh doanh Cát P1 phục vụ. Sau đó L cho 02 nhân viên này cùng nhân viên của mình là Lương Thị N vào phòng hát VIP2 phục vụ theo yêu cầu của khách hát. Sau khi hát xong T thanh toán tiền hát cho L khoảng 800.000 đồng và L thanh toán trả tiền công cho nhân viên mỗi người 100.000 đồng/1 giờ phục vụ, số tiền còn lại L được hưởng. Sau khi phục vụ khách hát là anh Nguyễn Đình T thì 3 nhân viên phục vụ nêu trên bị lây nhiễm Covid-19 gồm Lương Thị N là nhân viên của cơ sở kinh doanh Cát P1 và Lò Thị X, Lò Thị P, là nhân viên của cơ sở kinh doanh Cát P2.

Ngày 10/11/2021, Vương Đắc T, Vương Xuân H, sinh năm 1996; Vương Đắc H, Nguyễn Khắc D đến cơ sở kinh doanh Cát P2 để hát Karaoke, do loa đài, ti vi trong phòng hát để lâu không hoạt động và A muốn tạo điều kiện cho nhân viên của cơ sở kinh doanh kiếm thêm thu nhập, đồng thời do nể nang những người đến hát đều là khách quen nên A đã đồng ý cho khách vào hát Karaoke mặc dù thời điểm này các cơ sở kinh doanh Karaoke trên địa bàn đều phải ngừng hoạt động, đợi chỉ thị mới và cơ sở kinh doanh Cát P2 cũng đã viết cam kết với chính quyền địa phương về việc ngừng kinh doanh hoạt động Karaoke trong thời gian này. Sau khi nhóm của T vào phòng hát và yêu cầu nhân viên vào phục vụ thì A điều 03 nhân viên nữ của quán là Lò Thị X, Lò Thị P, Lò Thị P (Trong đó Lò Thị X, Lò Thị P bị dương tính Covid-19 vì trước đó phục vụ tiếp xúc khách hát tại cơ sở kinh doanh Cát P1 ngày 08/11/2021) vào phòng hát phục vụ. Sau khi hát Karaoke xong T ra thanh toán tiền hát cho A, nhưng do thời gian đã lâu nên A không nhớ rõ là bao nhiêu tiền, sau đó A thanh toán trả tiền công cho nhân viên theo giờ phục vụ khách hát Karaoke, là 100.000đồng/1 giờ, số tiền còn lại A trả tiền bia, nước uống và chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 11/11/2021, có Vương Đắc T, Vương Trí T và Vương Đắc H đến quán của Nguyễn Thị A để hát Karaoke, khi khách yêu cầu nhân viên, A đã điều 3 nhân viên nữ của quán là Lò Thị X, Lò Thị P và Lò Thị P vào phục vụ. Sau khi hát xong Tuấn ra thanh toán tiền hát cho An, nhưng do thời gian đã lâu nên A không nhớ rõ là bao nhiêu tiền, sau đó A thanh toán trả công cho nhân viên mỗi người 100.000đồng/1 giờ, số tiền còn lại A trả tiền bia, nước uống và chi tiêu cá nhân hết. Quá trình hát Karaoke khách và nhân viên phục vụ tại cơ sở

kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2 đều không đeo khẩu trang, tiếp xúc gần dưới 2m (ngồi sát với nhau), uống bia, hát Karaoke cùng nhau nên không đảm bảo phòng chống dịch bệnh Covid-19. Trong các ngày 10, 11/11/2021, khi Nguyễn Thị A lén lút mở cửa kinh doanh Karaoke, tiếp đón khách đến hát Karaoke tại cơ sở kinh doanh Cát P2 của gia đình mình thì chồng của A là Vương Duy Q, sinh năm 1974, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q không biết, đồng thời Q cũng không có ở nhà và không hỗ trợ, giúp sức gì cho A.

Ngày 13/11/2021, UBND xã Đ thông báo về việc chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke và các nhân viên phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn xã Đ đến Trạm y tế của xã để khai báo y tế và test nhanh, xét nghiệm Covid-19 do phát hiện một số nhân viên của cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke T, có địa chỉ tại thôn Y - xã Đ bị dương tính Covid-19 nên Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A đã cùng toàn bộ nhân viên của cơ sở kinh doanh Cát P1 và Cát P2 đến Trạm y tế xã Đ để kiểm tra y tế và test nhanh Covid-19. Kết quả Nguyễn Thị A và các nhân viên là Lò Thị X, Lò Thị P, Lò Thị P, Lương Thị N, Mong Thị T, Mong Thị L đều bị dương tính Covid-19. Nguyễn Thị L thuộc diện F1 nên được đưa đi cách ly y tế tập trung tại trường THPT Q. Sau khi phát hiện các nhân viên tại cơ sở kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2, có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ dương tính với Covid-19, Trung tâm y tế huyện Q đã phối hợp với chính quyền địa phương các xã trên địa bàn huyện Q thông báo cho người dân về việc ai đã từng đến cơ sở kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2, có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ thì đến trạm y tế hoặc cơ sở y tế, bệnh viện gần nhất để khai báo y tế và lấy mẫu xét nghiệm Covid-19 nên anh Vương Đắc T, Vương Xuân H, Vương Đắc H, Nguyễn Khắc D, Vương Trí T là khách đến cơ sở kinh doanh Cát P2 để hát Karaoke đã đến trạm y tế tại địa phương nơi mình sinh sống để khai báo y tế, lấy mẫu xét nghiệm. Kết quả anh Vương Đắc T dương tính Covid-19, những người tiếp xúc với Vương Đắc T cũng đã đến cơ sở y tế khai báo y tế, lấy mẫu xét nghiệm. Quá trình điều tra, rà soát, xác minh đã xác định được những ngươời liên quan đến cơ sở kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2 có 20 người bị dương tính Covid-19 (F0) gồm: Chủ cơ sở kinh doanh Cát P2 là Nguyễn Thị A; nhân viên cơ sở kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2; khách đến hát tiếp xúc với nhân viên cơ sở kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2 và các trường hợp là người thân, hàng xóm, bạn bè tiếp xúc với các ca bệnh dương tính Covid-19 (F0) này đã được đưa đi điều trị tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Hà Nội (có danh sách kèm theo) và 39 người trong diện (F1) liên quan đến ổ dịch nêu trên được đưa đưa cách ly tập trung trên địa bàn huyện Q (có danh sách kèm theo). Trong số 39 người trong diện F1 bị đi cách ly y tế tập trung có 04 người đã chuyển từ F1 lên F0.

Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan CSĐT - Công an huyện Q đã có Công văn gửi các cơ sở điều trị F0, F1 trên địa bàn thành phố Hà Nội để đề nghị cung cấp bảng kê chi tiết chi phí điều trị các bệnh nhân nhiễm covid-19 và chi phí F1 cách ly tập trung tại các khu cách ly y tế tập trung liên quan đến ổ dịch tại cơ sở kinh doanh Cát P1 và cơ sở kinh doanh Cát P2 và xác định được những thiệt hại về tiền mà Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị L gây cho tài sản cho Nhà nước với tổng số tiền là 196.258.344 đồng. Cụ thể như sau:

-Bệnh viện đa khoa Q thống kê về chi phí điều trị, ăn uống sinh hoạt cho 46 bệnh nhân covid-19 liên quan đến vụ án trong đó có Xuân Thị H lây nhiễm Covid-19 từ anh Vương Đắc T với chi phí điều trị là 3.069.910đồng**.**

-Bệnh viện đa khoa Đ thống kê về chi phí điều trị điều trị cho 22 bệnh nhân covid-19, trong đó có Lò Thị P, Vương Sỹ A, Vương Đắc H với chi phí điều trị là 8.800.606 đồng. Ngày 25/02/2022 BCH quân sự quận L có bảng kê danh sách chi phí ăn uống, vật tư y tế sinh hoạt hàng ngày đảm bảo cho 72 bệnh nhân nhiễm covid-19 trong đó có Lò Thị P, Vương Sỹ A, Vương Đắc H là: 4.776.000đ ồng.

-Bệnh viện đa khoa X thống kê về chi phí điều trị điều trị cho 72 bệnh nhân nhiễm covid-19 liên quan đến ổ dịch trên trong đó có 09 bệnh nhân Nguyễn Đình T, Lương Thị N, Mong Thị L (L), Mong Thị T, Vương Đắc T, Vương Xuân H, Lò Thị P, Lò Thị X, Nguyễn Thị A là chủ quán, nhân viên, khách đến cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P1, cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P2 với chi phí điều trị cho 9 bệnh nhân này là 33.509.394đồng. Ngày 18/02/2022 BCH quân sự quận H, thành phố Hà Nội có bảng kê danh sách chi phí ăn uống, vật tư y tế sinh hoạt hàng ngày đảm bảo cho 9 bệnh nhân nhiễm covid-19 trên là 12.672.000.

-Bệnh viện đa khoa M thống kê về chi phí điều trị, ăn uống sinh hoạt cho 05 bệnh nhân covid-19 trong đó có 02 bệnh nhân liên quan đến khách hát tại cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P2 (Vương Đắc T) là bệnh nhân Vương Thị Bảo A, Nguyễn Thị H lây nhiễm Covid-19 từ anh Vương Đắc T với chi phí điều trị là 7.556.844 đồng.

-Bệnh viện đa khoa Đ thống kê về chi phí điều trị điều trị cho 7 bệnh nhân covid-19 trong đó có bệnh nhân Cao Thị T, Vương Đắc T, Vương Thị M, Vương Đắc T với chi phí điều trị là 11.974.030 đồng. Ngày 22/02/2022 BCH quân sự quận H có bảng kê danh sách chi phí ăn uống, vật tư y tế sinh hoạt hàng ngày đảm bảo cho 4 bệnh nhân nhiễm covid-19 trên là: 6.720.000đồng.

-Bệnh viện Tâm thần H điều trị cho 01 bệnh nhân covid-19 liên quan đến vụ án là Nguyễn Hữu B lây nhiễm Covid-19 từ anh Vương Đắc T với chi phí điều trị, ăn uống sinh hoạt là 5.905.560 đồng.

-Ban chỉ huy quân sự huyện Q thống kê về danh sách, chi phí F1 cách ly tập trung tại các khu cách ly y tế tập trung trên địa bàn huyện Q liên quan đến vụ án với số chi phí ăn uống, vật tư y tế sinh hoạt hàng ngày đối với 39 (Có danh sách kèm theo) trường hợp liên quan đến cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P1 và cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P2 là: 49.160.000đồng.

-Trung tâm y tế huyện Q về giá trị của từng mẫu xét nghiệm covid-19 theo Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 của Bộ Y tế về quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 là 734.000đồng/một lần xét nghiệm Reatime RT-PCR đơn.

- Chi phí xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện Q và xác định được chi phí các trường hợp F0, F1 nêu trên là 52.114.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo trình bày như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản cáo trạng số: 83/CT-VKSQO ngày 03/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A về tội: Vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người, theo khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q luận tội: Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A phạm tội: Vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người.

- Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 295; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo L từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời giưn thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bi cáo A tư 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời giưn thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị cáo L và A đã bồi thường trả UBND Thành phố Hà Nội toàn bộ số tiền thiệt hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày bản luận cứ bào chữa cho bị cáo: Về tội danh VKS truy tố với bị cáo là đúng người đúng tội, tuy nhiên khi lượng hình đề nghị hội đồng xét xử xem xét hai bị cáo có quan hệ là chị em ruột, nhân thân không có tiền án, tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo tích cực bồi thường toàn bộ chi phí thiệt hại nên áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật để cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo L không bổ sung gì thêm đối với lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo L, A không có tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn dân sự không có tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án: Bị cáo L và A đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, đại diện cho nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về hành vi của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa bị cáo trình bày như nội dung bản cáo trạng đã nêu, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có đủ cơ sở khẳng định:

Trong các ngày 08,10,11/11/2021 cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P1 do Nguyễn Thị L trông nom quản lý và cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Cát P2, do Nguyễn Thị A làm chủ, đều có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q. Cả 2 cơ sở kinh doanh này đều không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự và chưa được phép hoạt động kinh doanh trong thời gian dịch Covid diễn biến phức tạp theo Chỉ thị số 22/CT- UBND ngày 20/9/2021 của UBND Thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 243/KH- UBND ngày 29/10/2021 của UBND Thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 361/KH- UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Q, Thành phố Hà Nội: Kế hoạch thực hiện quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19", trong đó có nội dung *Cơ sở kinh doanh dịch vụ có nguy cơ lây nhiễm cao như vũ trường, Karaoke...đều phải ngừng hoạt động (không được phép hoạt động kinh doanh)*, chỉ hoạt động khi có quy định, hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A vẫn lén lút hoạt động, tiếp đón khách đến hát Karaoke tại cơ sở kinh doanh của mình. Hậu quả đã làm cho 20 người bị dương tính với Covid-19 và 39 người thuộc diện F1 phải đi cách ly y tế (trong đó có 4 người chuyển từ F1 lên F0). Hành vi này của Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A đã vi phạm quy định về các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, làm lây L bệnh dịch, gây thiệt hại về tài sản cho Nhà nước với tổng số tiền là 196.258.344đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn bốn đồng).* Do đó bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A đã phạm vào tội: Vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người, quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự, như: Cáo trạng số 83 /CT-VKSQO ngày 03/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo là đúng người đúng tội.

Vụ án có tính chất nghiêm trọng, mặc dù biết dich Covid-19 bùng phát, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Chỉ thị về phòng chống dịch; UBND huyện Q đã ban hành nhiều kế hoạch trong việc phòng chống Covid-19. Trong đó có nội dung *Cơ sở kinh doanh dịch vụ có nguy cơ lây nhiễm cao như vũ trường, Karaoke...đều phải ngừng hoạt động (không được phép hoạt động kinh doanh),* Tuy nhiên bị cáo L và A đã bất chấp quy định của nhà nước vẫn kinh doanh Karaoke, không thực hiện 5K của Bộ y tế, cụ thể không đeo khẩu trang, khoảng cách, tập trung đông người. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn ở nơi đông người, gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước nên cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

-Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lỗi do lỗi vô ý, quá trình chuẩn bị xét xử hai bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền là: 196.258.344 đồng trả cho UBND Thành phố Hà Nội, bị cáo L và A là hai chị em ruột trong cùng vụ án để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Hai bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tích cực khắc phục hậu quả. các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không trái với Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2022/HĐ-TP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Do đó áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện tính khoan hồng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng khoản 5 Điều 295 bộ luật hình sử để phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định được số tiền thiệt hại tài sản của nhà nước do hai bị cáo gây ra với số tiền là: 196.258.344 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử ngày 24/11/2022, bị cáo A và bị cáo L mỗi bị cáo nộp ½ số tiền trên để bồi thường trả UBND thành phố Hà Nội theo biên lai thu tiền số: 0000492. Do đó cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ của bị áo cuốn sổ ghi chép lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo; Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A phạm tội: Vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người.

- Áp dụng khoản 1 Điều 295; Các điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L và A cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584 và 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị A phải bồi thường trả Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổng số tiền là: 196.258.344 đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn bốn đồng)*. Trong đó bị cáo L và A mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là: 98.129.172 đồng. Được trừ vào số tiền hai bị cáo đã bồi thường, theo biên lai thu tiền số:0000492 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo L và A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề về trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. Hà Nội;
- Công an huyện Quốc Oai;
-VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Sở tư pháp TP.Hà Nội
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành